**TRƯỜNG THCS KIM SƠN**

**GV: PHẠM HƯƠNG GIANG**

**PHIẾU ÔN TẬP HOÁ 9 TUẦN 5**

**Câu 1.** Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch bazơ là

**A.** K2O. **B.** CuO. **C.** CO. **D.** SO2.

**Câu 2.** Chất khí nào sau đây là nguyên nhân gây ra hiệu ứng nhà kính ?

**A.** CO2 **B.** O2 **C.** N2 **D.** H2

**Câu 3.** Sắt (III) oxit (Fe2O3) tác dụng được với

**A.** Nước, sản phẩm là axit. **B.** Axit, sản phẩm là muối và nước**.**

**C.** Nước, sản phẩm là bazơ. **D.** Bazơ, sản phẩm là muối và nướ**c.**

**Câu 4.** Để hòa tan hoàn toàn 3,6g FeO cần bao nhiêu gam dung dịch axit clohiđric 10%?

**A.** 1,825g **B.** 3,65g **C.** 18,25g **D.** 36,5g

**Câu 5.** Chất nào sau đây thuộc loại oxit lưỡng tính?

**A.** Al2O3 **B.** CO **C.** CaO **D.** SO2

**Câu 6.** Một oxit của sắt có thành phần phần trăm theo khối lượng của Fe bằng 70%. Biết phân tử khối của oxit bằng 160đv**C.** Công thức hoá học của oxit là:

**A.** FeO **B.** Fe3O4 **C.** Fe2O3  **D.** Cả A và B đúng

**Câu 7**. Để tách riêng Fe2O3 ra khỏi hỗn hợp BaO và Fe2O3 ta dùng:

**A.** Nướ**C.** **B.**Giấy quì tím. **C.** Dung dịch HCl. **D.** Dung dịch NaOH.

**Câu 8.** Để loại bỏ khí CO2 có lẫn trong hỗn hợp (O2, CO2), ta cho hỗn hợp đi qua dung dịch

**A.** HCl **B.** Ca(OH)2 **C.** Na2SO4 **D.** NaCl

**Câu 9.** Vôi sống có công thức hóa học là :

**A.** Ca **B.** Ca(OH)2 **C.** CaCO3 **D.** CaO

**Câu 10.** Dãy gồm các kim loại tác dụng được với dung dịch H2SO4 loãng là:

**A.** Fe, Cu, Mg. **B.** Zn, Fe, Cu.

**C.** Zn, Fe, Al. **D.** Fe, Zn, Ag

**Câu 11**. Chất tác dụng với dung dịch HCl tạo thành chất khí có mùi sốc, nặng hơn không khí là

**A.** Mg **B.** CaCO3  **C.** MgCO3  **D.** Na2SO3

**Câu 12.** Thuốc thử dùng để nhận biết dung dịch NaCl và dung dịch K2SO4 là:

**A.** K2SO4  **B.** Ba(OH)2  **C.** FeCl2 **D.** NaOH

**Câu 13.** Khi cho từ từ dung dịch HCl đến dư vào ống nghiệm đựng dung dịch hỗn hợp gồm NaOH và một ít phenolphtalein. Hiện tượng quan sát được trong ống nghiệm là:

**A.** Màu đỏ mất dần. **B.** Không có sự thay đổi màu sắc

**C.** Màu đỏ từ từ xuất hiện. **D.** Màu xanh từ từ xuất hiện.

**Câu 14.** Khi trộn lẫn dung dịch X chứa 1 mol HCl vào dung dịch Y chứa 1,5 mol NaOH được dung dịch Z. Dung dịch Z làm quì tím chuyển thành:

**A.** Màu đỏ **B.** Màu xanh **C.** Không màu **D.** Màu tím

**Câu 15**. Cho phản ứng: BaCO3 + 2X  H2O + Y + CO2. X và Y lần lượt là:

**A.** H2SO4 và BaSO4  **B.** HCl và BaCl2

**C.** H3PO4 và Ba3(PO4)2  **D.** H2SO4 và BaCl2

**Câu 16.** Dung dịch A có pH < 7 và tạo ra kết tủa khi tác dụng với dung dịch Bari nitrat Ba(NO3)2 . Chất A là:

**A.** HCl **B.** Na2SO4 **C.** H2SO4 **D.** Ca(OH)2

**Câu 17.** Dùng thuốc thử nào sau đây để nhận biết các chất chứa trong các ống nghiệm mất nhãn: HCl, KOH, NaNO3, Na2SO4.

**A.** Dùng quì tím và dd CuSO4. **B.** Dùng dd phenolphtalein và dd BaCl2.

**C.** Dùng quì tím và dd BaCl2. **D.** Dùng dd phenolphtalein và dd H2SO4.

**Câu 18**. Cho 6,5g kẽm vào dung dịch axit clohiđric dư. Khối lượng muối thu được là

**A.** 13,6 g **B.** 1,36 g **C.** 20,4 g **D.** 27,2 g

**Câu 19.** Muốn pha loãng axit sunfuric đặc, ta phải:

**A.** Rót nước vào axit đặ**c.** **B.** Rót từ từ nước vào axit đặ**c.**

**C.** Rót nhanh axit đặc vào nướ**c.** **D.** Rót từ từ axit đặc vào nướ**c.**

**Câu 20.**Khi nhỏ từ từ H2SO4 đậm đặc vào đường chứa trong cốc hiện tượng quan sát được là:

**A.** Sủi bọt khí, đường không tan.

**B.** Màu trắng của đường mất dần, không sủi bọt.

**C.** Màu đen xuất hiện và có bọt khí sinh r**a.**

**D.** Màu đen xuất hiện, không có bọt khí sinh r**a.**

**Câu 21**. Để làm sạch dung dịch FeCl2 có lẫn tạp chất CuCl2 ta dùng:

**A.** H2SO4 . **B.** HCl. **C**. Al. **D.** Fe.

**Câu 22.** Chỉ dùng dung dịch NaOH có thể phân biệt được cặp kim loại

**A.** Fe, Cu . **B.** Mg, Fe. **C.** Al, Fe. **D.** Fe, Ag.

**Câu 23.**Phản ứng giữa dung dịch Ba(OH)2 và dung dịch H2SO4 (vừa đủ) thuộc loại:

**A.** Phản ứng trung hoà . **B.** Phản ứng thế.

**C.** Phản ứng hoá hợp. **D.** Phản ứng oxi hoá – khử.

**Câu 24**. Nhôm hoạt động hoá học mạnh hơn sắt, vì:

**A.** Nhôm và sắt đều không phản ứng với HNO3 đặc nguội.

**B.** Nhôm có phản ứng với dung dịch kiềm.

**C.** Nhôm đẩy được sắt ra khỏi dung dịch muối sắt.

**D.** Chỉ có sắt bị nam châm hút.

**Câu 25**. Cho 11,2 g sắt tác dụng với axit sunfuric loãng, dư. Thể tích khí H2 thu được *(ở đktc)* là

**A.** 1,12 lít. **B.** 2,24 lít. **C.** 3,36 lít. **D.** 4,48 lít.

**Câu 26**. Trong sơ đồ phản ứng sau: . M là:

**A.** Cu . **B.** Cu(NO3)2. **C.** CuO. **D.** CuSO4.

**Câu 27**. Trung hoà 100ml dung dịch H2SO4 1M bằng V ml dung dịch KOH 1M. Giá trị của V là:

**A.** 50 ml . **B.** 200 ml. **C.** 300 ml. **D.** 400 ml.

**Câu 28.**Dãy các bazơ nào sau đây không bền với nhiệt?

**A.** Cu(OH)2; Zn(OH)2; Al(OH)3; Mg(OH)2

**B.** Cu(OH)2; Zn(OH)2; Al(OH)3; NaOH

**C.** Fe(OH)3; Cu(OH)2; KOH; Mg(OH)2

**D.** Fe(OH)3; Cu(OH)2; Ba(OH)2; Mg(OH)2

**Câu 29.** Dung dịch KOH *không* có tính chất hoá học nào sau đây?

**A.** Làm quỳ tím hoá xanh

**B.** Tác dụng với oxit axit tạo thành muối và nước

**C.** Tác dụng với axit tạo thành muối và nước

**D.** Bị nhiệt phân huỷ tạo ra oxit bazơ và nước

**Câu 30.**Kim loại nào sau đây vừa phản ứng với dung dịch axit, vừa phản ứng với bazơ kiềm?

**A.** Mg **B.** Al **C.** Fe **D.** Cu

**Câu 31.**Cặp chất nào ***không tồn tại*** trong một dung dịch?

**A.** CuSO4 và KOH **B.** CuSO4 và NaCl

**C.** MgCl2 và Ba(NO3)2 **D.** AlCl3 và Mg(NO3)2

**Câu 32.** Nhiệt phân hoàn toàn m g Fe(OH)3 đến khối lượng không đổi thu được 24g chất rắn. Giá trị của mlà:

**A.** 16,05g **B.** 32,10g **C.** 48,15g **D.** 72,25g

**Câu 33.** Cho hỗn hợp gồm Zn và AI tác dụng với hỗn hợp dung dịch CuSO4 và AgNO3, thu được dung dịch (X) và chất rắn (Y) gồm 3 kim loại. Cho (Y) tác dụng với dung dịch HCl dư thì có khí bay r**a.** Thành phần định tính của chất rắn (Y) là:

**A.** Zn, Al và Ag . **B.** Zn và Cu. **C.** Zn, Cu và Ag. **D.** Cu và Ag.

**Câu 34.** Hòa tan 50g CaCO3 vào dung dịch HCl dư. Thể tích khí CO2 thu được ở *đktc* là:

**A.** 11,2 lít **B.** 1,12 lít **C.** 2,24 lít **D.** 22,4 lít

**Câu 35.** Để làm sạch dung dịch đồng nitrat Cu(NO3)2 có lẫn tạp chất bạc nitrat AgNO3. Ta dùng kim loại:

**A.** Mg **B.** Cu **C.** Fe **D.** Au

**Câu 36.** Khí cacbonic được tạo thành từ phản ứng của cặp chất

**A.** Na2SO4 + CuCl2 **B.** Na2SO3 + NaCl **C.** K2CO3 + HCl **D.** K2SO4 + HCl

Câu 37.Cho a g Na2CO3 vào dung dịch HCl, sau phản ứng thu được 3,36 lít khí *(đktc).* Vậy a có giá trị bằng bao nhiêu?

**A.** 15,9 g **B.** 10,5g **C.** 34,8g **D.** 18,2g

**Câu 38.** Số mol của 200 gam dung dịch CuSO4 32% là

**A.** 0,4 mol **B.** 0,2 mol **C.** 0,3 mol **D.** 0,25 mol

**Câu 39.** Trong các kim loại sau đây, kim loại dẫn điện tốt nhất là:

**A.** Nhôm . **B.** Bạc. **C.** Đồng . **D.** Sắt.

**Câu 40.** Đơn chất tác dụng với dung dịch H2SO4 loãng giải phóng khí hiđrô là:

**A.** Đồng . **B.** Lưu huỳnh . **C.** Kẽm. **D.** Bạ**c.**

**Câu 41.** Cho kim loại X tác dụng với dung dịch axit HCl dư. Dẫn toàn bộ khí hiđro sinh ra đi qua bột oxit của kim loại Y nung nóng thì thu được kim loại Y. Hỏi X, Y lần lượt là chất nào sau đây?

**A.** Cu và ZnO. **B.** Fe và CuO. **C.** Ag và Fe2O3. **D.** Zn và Al2O3.

**Câu 42.** Một học sinh cho mẫu kali vào dung dịch (NH4)2SO4. Hiện tượng quan sát được là:

**A.** Xuất hiện kết tủa trắng.

**B.** Có khí không màu, không mùi thoát r**a.**

**C.** Có khí mùi khai bay ra và có kết tủa xanh xuất hiện.

**D.** Chỉ có khí không màu, mùi khai thoát r**a.**

**Câu 43**. Có 3 kim loại R, M, N. Để xác định độ hoạt động của chúng theo thứ tự giảm dần từ trái sang phải, một học sinh tiến hành thí nghiệm như sau:

Thí nghiệm 1: M không đẩy được R ra khỏi dung dịch muối.

Thí nghiệm 2: M đẩy được N ra khỏi dung dịch muối nhưng không đẩy được hiđro ra khỏi dung dịch axit.

Thí nghiệm 3: R đẩy được hiđro ra khỏi dung dịch axit.

**A.** R, H2, M, N. **B.** M, N, R, H2. **C.** M, R, H2, N. **D.** H2, R, N, M.

**Câu 44.** Dãy kim loại nào sau đây được sắp xếp theo tính hoạt động hóa học giảm dần?

**A.** K, Ca, Na, Mg, Al, Zn, Fe, Sn, Pb, Ag, Au. **B.** K, Ca, Na, Mg, Al, Zn, Fe, Sn, Pb, Au, Ag.

**C.** K, Ca, Na, Al, Mg, Zn, Fe, Sn, Pb, Au, Ag. **D.** K, Ca, Na, Mg, Al, Fe, Zn, Sn, Pb, Ag, Au.

**Câu 45.** Cho biết X, Y, Z, X’, Y’, Z’, có thể lần lượt là những chất nào sau đây?

1) X là kim loại nhẹ, mềm; X tác dụng mãnh liệt với nước tạo ra dung dịch bazơ và khí hiđro.

 2) Y là kim loại nhẹ, trong điều kiện thường có 1 lớp oxit bảo vệ bên ngoài rất bền, Y tan được trong các dung dịch kiềm.

3) Z là kim loại đứng sau hiđro trong dãy hoạt động hóa họ**c.** Bazơ của Z bị phân hủy ngay khi tạo ra, cho kết tủa màu đen. Muối z là chất kết tủa màu trắng.

4) X’ là kim loại nặng, không tan trong nước, X’ cháy sáng trong oxi và tạo ra hạt nóng chảy màu nâu.

5) Y’ là kim loại không tác dụng dung dịch HCl, H2SO4 loãng, nhưng tác dụng được với H2SO4 đặc nóng. Y’ là kim loại dẫn điện tốt.

6) Z’ là kim loại màu trắng xanh, thường được dùng điều chế khí hiđro trong phòng thí nghiệm.

**A.** Na, Al, Zn, Ag, Cu, Fe. **B.** Al, Na, Cu, Fe, Ag, Zn .

**C.** Na, Al, Ag, Fe, Cu, Zn . **D.** Al, Na, Ag, Zr, Cu, Fe

**TỰ LUẬN**

**Câu 1** Hoàn thành sơ đồ phản ứng sau:

a, Fe (1) FeCl3(2) Fe(OH)3(3) Fe2O3(4) Fe2(SO4)3

 AlCl3 Al(NO3)3 Al(OH)3 Al2O3

(1)

b, Al (9) (10) (11)

(5)

 **Al2O3** Al  Al2(SO4)3 AlCl3

**Câu 2 :** Bằng phương pháp hóa học hãy nhận biết các dung dịch đựng trong các lọ bị mất nhãn sau : NaOH, HCl, H2SO4, Na2SO4, NaCl.

**Câu 3** Hòa tan 8 gam hỗn hợp gồm 2 kim loại Fe và Mg bằng dung dịch H2SO4 20% (vừa đủ). Sau phản ứng thu được dung dịch X và giải phóng 4,48 lít khí (dktc).

1. Tính phần trăm khối lượng của mỗi kim loại trong hỗn hợp ban đầu.
2. Tính khối lượng dung dịch H2SO4 đã sử dụng.
3. Cho dung dịch X đi qua dung dung dịch Ba(OH)2. Sau phản ứng thu được kết tủa Y, lọc kết tủa nung ngoài không khí đến khối lượng không đổi thu được m gam chất rắn Z. giá trị của m là.